

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 161/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Hải;

Bà Võ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1986; HKTT: Khối B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Khối N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1982; cư trú tại: Khối B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2018 và các lời khai có trong vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P trình bày:

Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Đình C kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, Quảng Nam vào 07/6/2007. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông

C không lo làm ăn, không chăm sóc cho con, không quan tâm đến vợ. Bà P biết ông C có quan với người phụ nữ khác bên ngoài từ năm 2012. Khi đó, bà P đã nhiều lần khuyên nhủ ông C quay về với vợ con, ông C có hứa hẹn sẽ sửa đổi nhưng không thực hiện. Bà P đã về nhà cha mẹ ruột của mình tại phường Đ, thị xã Đ sinh sống từ tháng 12/2017 đến nay. Bà P thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Đình C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 19/12/2007 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 17/10/2011. Hiện nay, các con đang sống với bà P. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 06/02/2018, bị đơn ông Nguyễn Đình C trình bày:

Ông Nguyễn Đình C và bà Lê Thị Hồng P kết hôn với nhau ngày 07/6/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau trong thời gian đầu, nhưng dần dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông C nhận có lỗi với vợ, nay đã ăn năn hối cải, mong Tòa xem xét và tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn lại với nhau. Ông C thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 19/12/2007 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 17/10/2011. Nếu ly hôn, ông C yêu cầu nuôi con Nguyễn Đình Anh T, giao con Nguyễn Đình T cho bà P nuôi, hai bên tự lực nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà P được ly hôn ông C; về con chung: Giao con Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 19/12/2007 cho ông Nguyễn Đình C và giao con Nguyễn Đình T, sinh ngày 17/10/2011 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; hai bên tự lực nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Đình C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà P là do ông C không lo làm ăn, không chăm sóc cho con, không quan tâm đến vợ, ông C có quan với người phụ nữ khác bên ngoài; ông C thừa nhận có lỗi với vợ, nhưng đã ăn năn hối cải. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà P yêu cầu ly hôn ông C; ông C thấy tình cảm vẫn còn, có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hoà giải nhưng ông C không chấp hành triệu tập để tham gia phiên hòa giải. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù không rõ mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau. Lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà P được ly hôn ông C.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 19/12/2007 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 17/10/2011. Khi ly hôn, bà P yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con; ông C yêu cầu trực tiếp nuôi một con là Nguyễn Đình Anh T.

Xét thấy yêu cầu về nuôi con của các đương sự thì thấy: Khi vợ chồng sống ly thân thì các con sống với bà P tại phường Đ; các con hiện nay đang học tại Trường Tiểu học L phường Đ; bà P làm công nhân, có thu nhập ổn định có đủ điều kiện để nuôi con. Con Nguyễn Đình Anh T có nguyện vọng sống với mẹ. Các con đều còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Để đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành ổn định và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho con, HĐXX thống nhất giao các con Nguyễn Đình Anh T và Nguyễn Đình T cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Hồng P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông C thống nhất khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng P đối với ông Nguyễn Đình C. Bà Lê Thị Hồng P được ly hôn ông Nguyễn Đình C.

2/ Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 19/12/2007 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 17/10/2011 cho Lê Thị Hồng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Đình C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Lê Thị Hồng P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Phượng đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008811, ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh